

Bản tin thị trường

29.09.2022

Nhận định, tin doanh nghiệp, data talks

Tin Trọng Điểm

Nhận định thị trường
Cổ phiếu quan tâm
Danh mục đầu tư

Tin Doanh Nghiệp

TLG, HNG

Data Talks

Cổ phiếu tăng trưởng
Lịch chia cổ tức



Thị trường tiếp tục giảm mạnh

Phiên sáng hôm nay là một pha bulltrap cực nặng và có thể gây thiệt hại lớn cho nhiều nhà đầu tư nếu mua đua giá vào đầu phiên. Chỉ số Vnindex phiên sáng xanh đến gần 20 điểm và lực cầu rất tốt nhờ hiệu ứng đảo chiều của DJ phiên tối hôm trước. Tuy nhiên sự hưng phấn ngay sau đó suy giảm rất nhanh khi bên bán đổ hàng bán ở nhóm blue chip. Những blue chip GVR về 20.9, VIC 54.6 – giá thấp nhất từ 2018. Nhóm ngân hàng CTG, STB, VIB VPB giảm sâu gần 3% và gần về đáy cũ.

Cách di chuyển của Vnindex khá giống với giai đoạn 2018 khi chỉ số tiếp tục tạo đáy sau sâu hơn đáy trước sau đó hồi phục dần. Chỉ số Vnindex sau phiên hôm nay cũng xuyên thủng đáy cũ và rơi về sát 1100. Cú rơi hôm nay rõ ràng tạo tâm lý rất bi quan với thị trường và gần như có cảm giác thị trường sẽ tiếp tục giảm sâu trong thời gian tới. Tuy nhiên vùng đáy ngắn hạn có thể không cách quá xa hiện tại. Trong giai đoạn downtrend mạnh như hiện tại thì việc giữ danh mục an toàn là yếu tố quan trọng để chờ nhịp hồi phục.

Tin Doanh Nghiệp

HAGL hoàn tất trả hơn 600 tỷ đồng nợ gốc trái phiếu



CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HAGL - Mã: HAG) vừa cho biết ngày 28/9 đã hoàn tất trả một phần nợ gốc của lô trái phiếu có mã là HAGLBOND16.26 do công ty phát hành ngày 30/12/2016, với giá trị 605 tỷ đồng. Nguồn tiền từ thu nợ CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (HAGL Agrico - Mã: HNG) và nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Với kết quả trên, số dư nợ gốc trái phiếu còn lại của tập đoàn là 5.271 tỷ đồng.

Tính đến cuối quý II, HAGL đi vay tổng cộng 9.021 tỷ đồng. Dư nợ trái phiếu là 6.440 tỷ đồng, trong đó khoản trái phiếu dài hạn là 5.146 tỷ còn 1.294 tỷ đồng là đến hạn trả trong vòng một năm. Khoản dư nợ ngân hàng theo báo cáo soát xét bán niên là 2.461 tỷ đồng.

Theo kế hoạch năm 2023, lãnh đạo HAGL cho biết nếu giá cổ phiếu HNG ở mức tốt, công ty sẽ bán toàn bộ hơn 100 triệu cổ phiếu này để thanh toán nợ ngân hàng.

Năm 2023, HAGL dự kiến lợi nhuận tăng gấp 3-4 lần so với năm nay, lên mức 3.500 - 4.000 tỷ đồng, trong đó dành 1.000 - 1.500 tỷ đồng để trả nợ.

Đến 2024, HAGL tính toán sàu riêng cũng mang lại nguồn lãi lớn. Hiện tại, tập đoàn có khoảng 1.000 ha sàu riêng trồng theo chuẩn Global GAP, trong đó hơn 200 ha trồng tại Gia Lai và hơn 700 ha ở Lào... Toàn bộ số sàu riêng trên đang ở độ tuổi 3-4 năm đã cho ra trái từ năm nay. “Nếu mọi chuyện thuận lợi, 2024 - 2025, HAGL sẽ xóa hết nợ ngân hàng”, bầu Đức nói.

Xuất khẩu tăng 58%, Thiên Long (TLG) lãi 396 tỷ đồng trong 8 tháng

CTCP Tập đoàn Thiên Long (Mã: TLG) vừa công bố kết quả kinh doanh 8 tháng đầu năm với doanh thu 2.500 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 396 tỷ đồng, lần lượt tăng 48% và 137% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu từ xuất khẩu tăng 58% so với cùng kỳ và đóng góp 24% doanh thu cho TLG.

Biên lãi gộp 8 tháng duy trì ở mức 44,1%, biên lãi thuần đạt 15,7% so với cùng kỳ năm ngoái lần lượt là 41,4% và 9,8%.

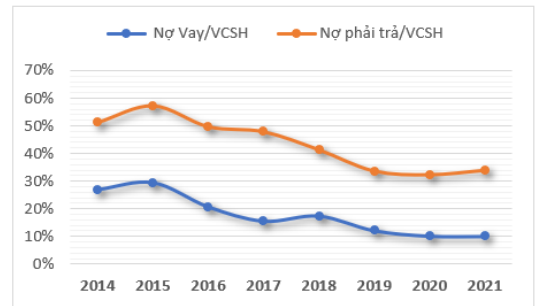
Năm 2022, TLG đặt mục tiêu doanh thu 3.250 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 280 tỷ đồng. So với kế hoạch đề ra năm 2022, doanh nghiệp đã thực hiện 77% về doanh thu và vượt 41% chỉ tiêu lợi nhuận.

Tính riêng tháng 8, TLG ghi nhận doanh thu khoảng 300 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 39 tỷ đồng.

TLG cho biết, trong tháng 8, tập đoàn đẩy mạnh truyền thông dòng sản phẩm mới và khởi động chiến dịch tái định vị thương hiệu nên chi phí bán hàng và quản lý được ghi nhận tăng, chiếm 25,4% doanh thu 8 tháng, cao hơn mức 24,7% trong 7 tháng đầu năm.

Hồi tháng 8, TLG góp thêm 50 tỷ đồng vào Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Nam Thiên Long với mục đích đảm bảo nguồn vốn để mở rộng dự án sản xuất và tạo ra các sản phẩm mới. Sau khi hoàn tất giao dịch, vốn điều lệ của Nam Thiên Long tăng lên 650 tỷ đồng.

Nam Thiên Long là công ty con với 100% vốn TLG, được thành lập vào tháng 7/2021. Đơn vị này phụ trách sản xuất các loại văn phòng phẩm và các chủng loại bút viết đáp ứng nhu cầu nội địa và xuất khẩu của công ty mẹ.





Phân tích kỹ thuật



Chỉ số Vnindex tạo đáy thứ hai sâu hơn so với đáy trước đó. Các chỉ báo RSI đi xuống dưới ngưỡng 30 cho thấy thị trường đã đi vào vùng quá bán. Nếu các yếu tố thị trường quốc tế không quá xấu, thị trường kỳ vọng sẽ sớm có nhịp hồi phục trong vài phiên tới. Nhà đầu tư vẫn duy trì trạng thái tỷ trọng tiền mặt cao và chỉ giải ngân một phần thăm dò từ 20%-30% khi thị trường có tín hiệu hồi phục rõ rệt.

Một số cổ phiếu đang gần chạm các vùng hỗ trợ thấp đáng lưu ý: FPT, VCB, FRT, DGW, VCI

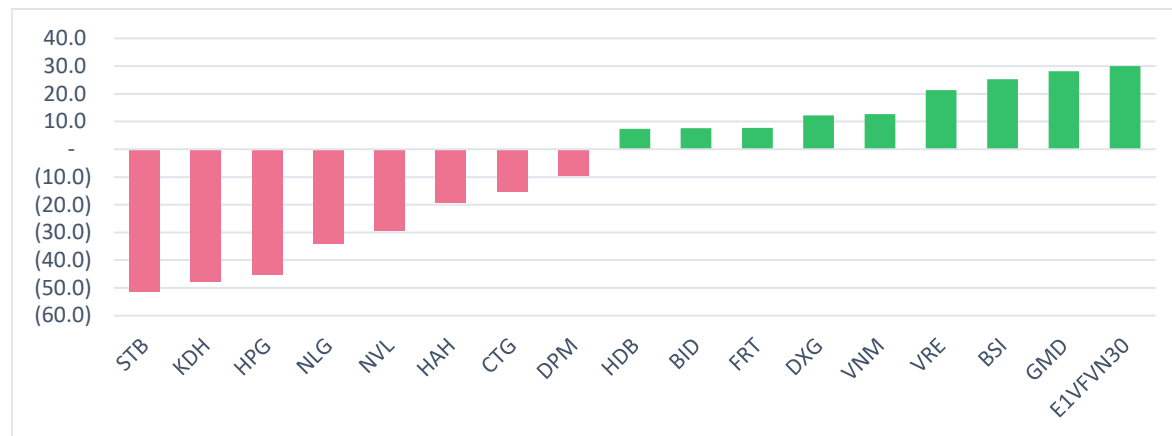


Tổng hợp kết quả kinh doanh 6T.2022

Ngành	SỐDN	DT6T.2022	DT6T.2021	%	LN6T.2022	LN6T.2021	%
Ngân hàng	27	203,760	173,141	17.7%	104,667	78,436	33.4%
Dầu khí	23	395,240	232,972	69.7%	22,242	10,863	104.8%
Bất động sản	81	93,342	157,857	-40.9%	18,575	28,731	-35.3%
Sản xuất và KD Thép	26	199,122	165,060	20.6%	14,525	22,369	-35.1%
Thực phẩm và đồ uống	71	156,961	157,122	-0.1%	15,677	13,917	12.6%
Vận tải - Logistics	73	63,186	54,944	15.0%	9,918	5,560	78.4%
Điện	43	78,672	69,172	13.7%	10,206	5,519	84.9%
Phân bón	13	38,528	24,395	57.9%	7,931	1,234	542.5%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	72	54,699	47,203	15.9%	6,077	6,676	-9.0%
Dịch vụ tài chính	40	26,338	22,619	16.4%	5,530	7,996	-30.8%
Bất động sản KCN	22	31,682	28,932	9.5%	9,234	5,289	74.6%
Xây dựng	110	84,077	84,526	-0.5%	6,318	4,347	45.3%
Hóa chất	27	46,366	32,271	43.7%	4,288	1,745	145.7%
Bán lẻ	21	124,887	105,304	18.6%	3,248	3,416	-4.9%
Thủy sản	24	33,252	25,119	32.4%	3,151	1,039	203.4%
Công nghệ Thông tin	18	24,833	20,617	20.4%	2,928	2,010	45.7%
Vật liệu xây dựng	42	36,968	28,449	29.9%	3,561	2,675	33.1%
Bảo hiểm	11	33,779	29,871	13.1%	2,156	2,421	-10.9%
Hàng cá nhân & Gia dụng	27	34,335	25,932	32.4%	2,598	1,798	44.4%
Dệt May	21	36,228	28,330	27.9%	1,945	1,465	32.8%
Nước	48	11,509	11,054	4.1%	1,616	1,608	0.5%
Y tế	36	21,471	24,311	-11.7%	1,550	1,425	8.8%
Viễn thông	5	19,409	16,921	14.7%	3,261	862	278.1%
Du lịch và Giải trí	32	56,344	29,703	89.7%	(4,241)	(8,679)	
Khoáng sản	33	49,095	31,309	56.8%	1,154	947	21.8%
Tài nguyên Cơ bản	20	17,021	15,813	7.6%	760	1,123	-32.3%
Cao su	13	2,599	2,335	11.3%	502	412	21.8%
Truyền thông	30	6,382	4,862	31.3%	486	250	94.1%
Ô tô và phụ tùng	11	23,561	19,738	19.4%	699	548	27.6%
Bao bì	17	18,682	13,248	41.0%	301	248	21.4%
Xây dựng và Vật liệu	58	13,485	15,235	-11.5%	204	(65)	
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	6,691	3,808	75.7%	73	71	3.5%
Tổng	1,100	2,042,500	1,702,175	20.0%	261,139	206,255	26.6%



Top mua bán ròng khối ngoại trong ngày (tỷ VND)



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	25.0	5,995,200	5.8	1.6	96,700	96,700	4,306	15,416
BID	HOSE	39.2	2,040,300	13.6	2.1	312,700	87,530	2,883	18,580
CTG	HOSE	29.1	5,961,800	9.4	1.4	225,600	898,360	3,099	21,387
EIB	HOSE	30.6	400,100	18.4	2.0	6,000	2,700	1,659	15,513
HDB	HOSE	24.9	1,779,000	6.9	1.4	639,000	252,230	3,591	17,576
LPB	HOSE	16.0	6,317,800	4.7	1.2	600	160	3,398	13,136
MBB	HOSE	26.8	9,550,900	6.3	1.4	477,800	478,220	4,221	18,767
MSB	HOSE	18.8	3,089,500	6.3	1.2	-	-	2,960	16,090
OCB	HOSE	18.1	2,454,900	6.6	1.1	8,600	10,600	2,754	16,897
SHB	HOSE	15.2	14,782,600	4.9	1.0	26,300	354,600	3,062	14,879
SSB	HOSE	31.5	1,439,300	12.7	2.6	20,100	-	2,472	11,892
STB	HOSE	25.5	13,785,600	13.4	1.3	297,900	2,910,600	1,905	18,989
TCB	HOSE	38.2	4,810,300	6.6	1.3	1,480,000	1,480,000	5,766	29,757
TPB	HOSE	27.9	2,456,300	6.9	1.5	35,100	26,240	4,024	18,340
VCB	HOSE	78.8	904,300	13.2	3.0	229,300	283,020	5,956	25,988
VIB	HOSE	26.2	1,822,400	5.8	2.0	-	100	4,528	13,403
VPB	HOSE	29.0	12,627,600	6.7	1.3	22,100	20,000	4,346	22,163
BAB	HNX	17.0	7,700	17.0	1.4	-	-	1,002	12,383
NVB	HNX	28.8	45,500	-	3.7	-	-	(188)	7,686
VBB	UPCOM	10.7	18,400	9.2	0.8	-	-	1,163	12,626
VAB	UPCOM	10.2	136,700	6.0	0.8	-	-	1,701	12,691
SGB	UPCOM	13.5	36,500	-	1.1	-	-	502	12,530
PGB	UPCOM	22.0	12,000	20.7	1.5	-	-	1,065	14,590
NAB	UPCOM	14.1	267,000	-	-	-	200	3,247	17,329
KLB	UPCOM	23.3	5,500	22.6	1.8	-	-	1,031	13,236
BVB	UPCOM	14.1	619,400	19.7	1.0	-	100	715	13,432
ABB	UPCOM	11.7	2,119,300	4.3	0.9	-	-	2,719	13,255
			93,485,900	10.32	1.56	3,877,800	6,901,360	2,737	16,242



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	PPS	HNX	11/10/2022	12/10/2022	27/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	BTP	HOSE	7/10/2022	10/10/2022	31/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	XMP	UPCoM	7/10/2022	10/10/2022	26/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	SFI	HOSE	4/10/2022	5/10/2022	19/10/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	HD2	UPCoM	4/10/2022	5/10/2022	28/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	USC	UPCoM	4/10/2022	5/10/2022	20/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 350 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	SNZ	UPCoM	4/10/2022	5/10/2022	26/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	SZE	UPCoM	30/09/2022	3/10/2022	21/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	SPC	HNX	30/09/2022	3/10/2022	26/10/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	ITC	HOSE	30/09/2022	3/10/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
11	TKA	UPCoM	30/09/2022	3/10/2022	17/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	KHW	UPCoM	30/09/2022	3/10/2022	14/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	KHW	UPCoM	30/09/2022	3/10/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Thưởng cổ phiếu
14	LGC	HOSE	29/09/2022	30/09/2022	31/10/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	HCT	HNX	29/09/2022	30/09/2022	20/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 150 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	ICN	UPCoM	29/09/2022	30/09/2022	31/10/2022	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 4,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	CNG	HOSE	29/09/2022	30/09/2022	20/10/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	LAI	UPCoM	29/09/2022	30/09/2022	20/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	WTC	UPCoM	29/09/2022	30/09/2022	12/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	HTL	HOSE	28/09/2022	29/09/2022	17/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	VPB	HOSE	28/09/2022	29/09/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 2:1	Thưởng cổ phiếu
22	VSC	HOSE	28/09/2022	29/09/2022	18/10/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	DWS	UPCoM	28/09/2022	29/09/2022	10/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 570 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	DTD	HNX	27/09/2022	28/09/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:18	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
25	DTD	HNX	27/09/2022	28/09/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 5:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
26	VET	UPCoM	27/09/2022	28/09/2022	14/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,662 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	DQC	HOSE	27/09/2022	28/09/2022	14/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	HDB	HOSE	27/09/2022	28/09/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25	Trả cổ tức bằng cổ phiếu



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931